

**Phụ lục**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kế hoạch tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện và Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.	20 ngày làm việc	Không	- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT (Số 07 Đống Đa, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế) - Nộp qua dịch vụ Bru chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế	Nghị quyết 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cơ quan quyết định: UBND tỉnh
2	Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	20 ngày làm việc	Không	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế). - Nộp qua dịch vụ Bru chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế		

**2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện và Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP	20 ngày làm việc	Không	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế.	Nghị quyết 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh	Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện
2	Hỗ trợ sản xuất	13 ngày làm việc	Không			

## **PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kế hoạch tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1.1. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

a) Trình tự thực hiện:

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế rà soát, lập danh sách các cơ sở sản xuất có nhu cầu để xây dựng kế hoạch hỗ trợ.

- Các cơ sở sản xuất sau khi hoàn thành đầu tư các công trình theo quy định, gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (số 07 Đống Đa, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế).

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Sở ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (số 07 Đống Đa, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế), vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định); sáng: từ 8h00 đến 11h00; chiều: từ 13h30 đến 16h30.

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (số 07 Đống Đa, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế);

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Cơ sở sản xuất nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 01);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể;

- Bản sao hợp lệ Văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Dự án đầu tư hoặc kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh do cơ sở sản xuất tự lập;

- Hồ sơ thiết kế, dự toán được chủ đầu tư phê duyệt;

- Hồ sơ hoàn thành dự án, gồm: Báo cáo kết quả hoàn thành dự án đầu tư hoặc Kế hoạch/Phương án sản xuất kinh doanh; Bản vẽ hoàn công, Dự toán hoàn thành;

- Bản sao hợp lệ các văn bản về điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định hiện hành (nếu có);

- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận hữu cơ của đơn vị có thẩm quyền cấp (nếu có đề nghị hỗ trợ về chứng nhận hữu cơ);

- Chứng từ, hóa đơn tài chính hợp pháp.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC

Các cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các doanh nghiệp có đầu tư cơ sở sản xuất nông nghiệp đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 5 kèm theo).

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đề nghị hỗ trợ dự án đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021–2025.

Mẫu số 1

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**Dự án: Đầu tư ...(\*)...**

(Theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên Cơ sở sản xuất: .....

Loại hình doanh nghiệp: ..... (Theo Luật Doanh nghiệp, Luật HTX).

Ngành nghề kinh doanh: .....

Trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

Số Tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ: .....; Tên chủ tài khoản: .....; tại Ngân hàng: .....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể số..... do ..... cấp ngày ..... tháng .... năm .....

Văn bản chấp thuận đầu tư số ..... do ..... cấp ngày ..... tháng .... năm .....

(Trường hợp là cá nhân thì cung cấp các thông tin về Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, Hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại)

### I. Thông tin chính của Dự án đầu tư.

1. Tên Dự án: .....
2. Lĩnh vực đầu tư: .....
3. Địa điểm thực hiện Dự án: .....
4. Mục tiêu và quy mô của Dự án: .....
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: .....
6. Diện tích đất sử dụng: .....
7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: .....
8. Thời gian khởi công, hoàn thành Dự án: .....

### II. Các nội dung đề nghị hỗ trợ đầu tư

STT	Nội dung	Kinh phí đã đầu tư (triệu đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
1				
2				
...				

### III. Giải thích cách tính các khoản kinh phí đề nghị hỗ trợ

- ....
- ....

### IV. Cơ sở sản xuất cam kết

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- ...

....., ngày... tháng....năm....

**Chức danh người đại diện cơ sở  
sản xuất**

(ký tên - đóng dấu)

(\*): Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm ....

**1.2. Thủ tục về tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.**

a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các Sở ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế), vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định); sáng: từ 8h00 đến 11h00; chiều: từ 13h30 đến 16h30;

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế);

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Cơ sở sản xuất nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Bản đề nghị hỗ trợ lãi suất (theo mẫu số 03);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp;

- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;

- Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành dự án;

- Hồ sơ giải ngân hợp đồng vay vốn giữa doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC

Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Mẫu số 5 kèm theo).

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đề nghị hỗ trợ lãi suất vay thương mại.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021–2025.

Mẫu số 3

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**BẢN ĐỀ NGHỊ**

**HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY THƯƠNG MẠI**

(Theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên doanh nghiệp: .....

Loại hình doanh nghiệp: ..... (Theo Luật Doanh nghiệp).

Ngành nghề kinh doanh: .....

Trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

Số Tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ:.....; Tên chủ tài khoản:.....; tại Ngân hàng: .....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số ..... do ..... cấp ngày .....tháng .... năm .....

Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số ..... do ..... cấp ngày .....tháng .... năm .....

**I. Thông tin chính của Dự án đầu tư.**

1. Tên Dự án: .....

2. Lĩnh vực đầu tư: .....

3. Địa điểm thực hiện Dự án: .....

4. Mục tiêu và quy mô của Dự án: .....

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: .....

6. Diện tích đất sử dụng: .....

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: .....

8. Thời gian khởi công, hoàn thành Dự án: .....

## **II. Đề nghị hưởng hỗ trợ lãi suất vay thương mại**

1. Tổng vốn vay tại các ngân hàng thương mại để thực hiện Dự án: .....; lãi suất vay: .... %/năm.

2. Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty ..... làm văn bản này đề nghị được hỗ trợ cấp bù lãi suất với số tiền: ..... đồng.

## **III. Giải thích cách tính khoản kinh phí đề nghị hỗ trợ lãi suất**

- ....

- ....

## **IV. Doanh nghiệp cam kết**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;

....., ngày... tháng....năm....

**Chức danh người đại diện pháp luật của  
doanh nghiệp**  
(ký tên - đóng dấu)

## **II. Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

### **2.1. Thủ tục Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP.**

#### a) Trình tự thực hiện:

Các cơ sở sản xuất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế (qua Trung tâm Hành chính công cấp huyện).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

#### b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định); sáng: từ 8h00 đến 11h00; chiều: từ 13h30 đến 16h30;

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Cơ sở sản xuất nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 02);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể; đối với Tổ hợp tác, cung cấp bản Thông báo về việc thành lập Tổ hợp tác kèm theo hợp đồng hợp tác;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Sản phẩm OCOP do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp;

- Dự án/Kế hoạch/Phương án phát triển sản phẩm OCOP do cơ sở sản xuất tự phê duyệt;

- Bản vẽ hoàn công và Dự toán hoàn thành (đối với hạng mục xây dựng công trình);

- Chứng từ, hóa đơn tài chính hợp pháp.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC

Các cơ sở sản xuất có sản phẩm tham gia chương trình OCOP tỉnh Thừa Thiên Huế đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Theo mẫu số 5 kèm theo).

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư phát triển sản phẩm OCOP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021–2025.

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**BẢN ĐỀ NGHỊ****HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP**

(Theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh)

Kính gửi: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện .../Phòng Kinh tế thị xã ..., thành phố Huế.

Tên Cơ sở sản xuất: .....

Loại hình doanh nghiệp: ..... (Theo Luật Doanh nghiệp, Luật HTX ...).

Ngành nghề kinh doanh: .....

Trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

Số Tài khoản ngân hàng nhận kinh phí hỗ trợ: .....; Tên chủ tài khoản: .....; tại Ngân hàng: .....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể số..... do ..... cấp ngày .....tháng .... năm .....

**I. Thông tin chính của sản phẩm**

1. Tên Sản phẩm: .....

2. Số Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP: .....

3. Địa điểm sản xuất: .....

**II. Các nội dung đề nghị hỗ trợ đầu tư**

STT	Nội dung	Kinh phí đã đầu tư (triệu đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
1				
2				
...				

**III. Giải thích cách tính các khoản kinh phí đề nghị hỗ trợ**

- ....

- ....

**IV. Cơ sở sản xuất cam kết**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Sở Tài chính;

- UBND huyện, thị xã, TP ...

....., ngày... tháng....năm....

**Chức danh người đại diện cơ sở sản  
xuất**

(ký tên - đóng dấu)

**2.2. Thủ tục Hỗ trợ sản xuất.**

## a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế (qua Trung tâm Hành chính công cấp huyện).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt hồ trợ Phương án/Kế hoạch sản xuất. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

## b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định); sáng: từ 8h00 đến 11h00; chiều: từ 13h30 đến 16h30;

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh Thừa Thiên Huế.

## c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Cơ sở sản xuất nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Bản đề nghị hỗ trợ sản xuất (theo Mẫu số 04);

- Phương án/Kế hoạch sản xuất do cơ sở sản xuất tự lập.

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

## đ) Đối tượng thực hiện TTHC

Các cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo Mẫu số 6 kèm theo).

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021–2025.

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**BẢN ĐỀ NGHỊ  
HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐẦU TƯ ... (\*)**(Theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020  
của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế)Kính gửi: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện .../Phòng Kinh  
tế thị xã ..., thành phố Huế.

Tên Cơ sở sản xuất: .....

Loại hình doanh nghiệp: ..... (Theo Luật Doanh nghiệp, Luật HTX).

Ngành nghề kinh doanh: .....

Trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh cá thể số  
.....do ..... cấp ngày ... tháng .... năm .....(Trường hợp là cá nhân thì cung cấp các thông tin về Giấy chứng minh nhân  
dân hoặc Căn cước công dân, Hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại)**I. Thông tin nội dung đầu tư**

1. Nội dung: (\*) .....

2. Quy mô: (Diện tích, chủng loại, ...);

3. Địa điểm sản xuất: .....

**II. Các nội dung đề nghị hỗ trợ đầu tư**

STT	Nội dung	Kinh phí đã đầu tư (triệu đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
1				
2				
...				

**III. Giải thích cách tính các khoản kinh phí đề nghị hỗ trợ**

- ....

- ....

**IV. Cơ sở sản xuất cam kết**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

....., ngày... tháng....năm....

**Chức danh người đại diện cơ sở sản xuất**  
(ký tên - đóng dấu)

(\*): Phát triển trồng sen, Sản xuất VietGAP, Sản xuất hữu cơ, Phát triển cây ăn quả, Trồng rừng, Trồng cây dược liệu, Máy cuộn rom.... (theo Khoản 5 Điều 5 Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND)

Mẫu số 5

**CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN PHÊ DUYỆT**

Số: /QĐ-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng .....năm .....

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 20/2020/NQHĐND ngày 23/12/2020 của HĐND tỉnh đối với ..... (tên cơ sở sản xuất)**

#### **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ .....*;

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số ..... ngày .....của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;*

*Xét đề nghị của .....(cơ quan có thẩm quyền thẩm định) tại Tờ trình số ..... ngày ..... về việc phê duyệt hỗ trợ đầu tư .....*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ ..... (tên cơ sở sản xuất, số tài khoản ngân hàng ...), cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: .....
2. Quy mô: .....
3. Nội dung, khối lượng và kinh phí đầu tư các hạng mục (tùy theo từng chính sách quy định tại các Khoản 1,3,4 Điều 5 Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND ngày 20/12/2020)

STT	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1					
2					

STT	Hạng mục/nội dung hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
...					
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				

4. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Điểm ... Khoản ..... Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021–2025;

5. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư

a) Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách .....

b) Cơ chế hỗ trợ: Thực hiện theo Điểm .... Khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021– 2025.

**Điều 2. Giao trách nhiệm**

1. ....(cơ quan có thẩm quyền phân bổ kinh phí) phân bổ chi tiết và cấp phát kinh phí thực hiện theo quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm .....

2. .... (cơ quan có thẩm quyền thẩm định) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** .... (Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cơ sở sản xuất ...) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- .....
- Lưu: VT, .....

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT**

(Ký tên/đóng dấu)

**CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN PHÊ DUYỆT**

Số: /QĐ-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng .....năm .....

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 20/2020/NQHĐND ngày 23/12/2020  
của HĐND tỉnh đối với ..... (tên cơ sở sản xuất)**

#### **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ .....*;

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số ..... ngày .....của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;*

*Xét đề nghị của .....(cơ quan có thẩm quyền thẩm định) tại Tờ trình số ..... ngày ..... về việc phê duyệt hỗ trợ đầu tư .....*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ ..... (tên cơ sở sản xuất, số tài khoản ngân hàng ...), cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: .....
2. Quy mô: .....
3. Nội dung, khối lượng và kinh phí đầu tư các hạng mục

<b>STT</b>	<b>Hạng mục/nội dung hỗ trợ</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Kinh phí (VNĐ)</b>	<b>Ghi chú</b>
1					
2					
...					
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				

4. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Điểm ... Khoản 5 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;

5. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư

- a) Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách .....
- b) Cơ chế hỗ trợ: Thực hiện theo Điểm b Khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;

**Điều 2.** Giao trách nhiệm ....(cơ quan có thẩm quyền thẩm định)

- a) Thông báo cho .... (tên cơ sở sản xuất) để triển khai thực hiện theo các nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt;
- b) Tiếp nhận hồ sơ thanh toán và giải ngân kinh phí hỗ trợ theo tiến độ thực hiện Phương án/Kế hoạch đầu tư;
- c) Tổ chức kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** ..... (Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cơ sở sản xuất ...) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- .....
- Lưu: VT, .....

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT**

(Ký tên/đóng dấu)